

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 – 11
Báo cáo kiểm toán	12 - 13
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	14 – 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	14-17
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	19
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	20- 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Dạy nghề;

- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện)

Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồ dùng gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Đào tạo đại học và sau đại học;

- Sản xuất máy thông dụng khác;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh

Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự

Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm

Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao

Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;

Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

- Khai thác quặng sắt;

- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)

Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;

Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;

- Bán lẻ nhiên liệu động, cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;

- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào

Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hành khách đường sắt

Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)

Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chảy máu khác);

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự

Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;

- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Lắp trình máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa

Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

doanh;

- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc)

Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

Bán lẻ đồ uống có cồn

Bán lẻ đồ uống không có cồn;

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
 - Sản xuất giày dép;
 - Khai thác gỗ;
 - Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
 - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;
- Cura, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
 - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
 - Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
 - Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
 - Sản xuất rượu vang;
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
 - Hoạt động thể thao khác;
 - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
 - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng), với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 89, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai, q. Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	99%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	98%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đoàn, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Pháp Việt	P.206 khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P.Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội	44,55%
-----------------------------------	---	--------

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2015 là: 24.203.549.426 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là: 40.441.529.311 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	08/01/2014
Ông Ngô Công Chính	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Bà Đàm Thị Ngân	Ủy viên HĐQT	08/01/2014

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	08/01/2014	
Ông Hồ Sĩ Bắc	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	
Bà Vũ Minh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	10/02/2015
Bà Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên Ban kiểm soát	10/02/2015	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc	02/01/2014	
Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng giám đốc	02/01/2014	
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng giám đốc	02/01/2014	
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng giám đốc	20/10/2015	
Ông Hà Thanh Hưng	Kế toán trưởng	23/07/2015	21/09/2015
Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Kế toán trưởng	22/12/2015	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2015 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm 2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Đức

Số: 09 /2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group**

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group được lập ngày 26 tháng 01 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 14 đến trang 38 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

Nguyễn Thị Huế

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2493-2015-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.624.306.590	214.715.496.215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	23.781.116.772	15.955.586.535
1. Tiền	111		23.781.116.772	15.955.586.535
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	1.948.515.663	288.515.663
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.948.515.663	288.515.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.492.337.748	182.537.959.555
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	64.780.312.102	92.932.724.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.073.685.916	1.029.989.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4	24.800.000.000	81.378.004.000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	30.838.339.730	7.197.241.401
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	70.203.116.891	15.450.013.549
1. Hàng tồn kho	141		70.203.116.891	15.450.013.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.199.219.516	483.420.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	145.931.528	80.074.483
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.051.884.859	403.346.430
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.403.129	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278.799.934.648	246.153.526.617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.767.199.236	462.307.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4	1.767.199.236	462.307.600
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		4.769.825.519	4.377.536.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	4.769.825.519	4.377.536.253
- Nguyên giá	222		7.742.929.560	6.340.875.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.973.104.041)	(1.963.338.761)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.6	36.229.211.827	36.215.575.463
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.229.211.827	36.215.575.463
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	84.838.448.097	39.859.440.425
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84.838.448.097	39.859.440.425
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		151.195.249.969	165.238.666.876
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	20.712.754.969	18.696.787.876
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	VI.9	130.482.495.000	146.541.879.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		505.424.241.238	460.869.022.832

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.385.668.680	125.365.972.076
I. Nợ ngắn hạn	310		139.197.468.680	118.070.972.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	39.008.454.155	78.115.297.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.046.665.981	16.258.149.737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	11.808.594.871	4.685.833.785
4. Phải trả người lao động	314		-	145.419.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13	5.200.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.592.272.729	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	215.681.750	232.226.667
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.10	6.735.400.000	18.634.044.800
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.785.199.194	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.188.200.000	7.295.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.10	7.188.200.000	7.295.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.038.572.558	335.503.050.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	359.038.572.558	335.503.050.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		262.959.345	262.959.345
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.785.199.194	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		892.599.597	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		40.441.529.311	20.700.977.870
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.043.114.369	3.245.061.039
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.398.414.942	17.455.916.831
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.656.285.111	14.539.113.541
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		505.424.241.238	460.869.022.832

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Châm

Kế toán trưởng



Đinh Đăng Thủy Anh

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.030.722.970.682	479.060.435.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	571.735.091	441.983.564
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.030.151.235.591	478.618.451.700
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	970.733.469.497	451.451.354.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.417.766.094	27.167.096.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	2.294.057.000	20.973.693.815
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	436.542.392	541.490.219
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		490.880.181	213.862.980
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	492.389.145	1.189.316.124
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	25.943.835.825	20.474.489.142
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.818.063.404	25.935.495.328
12. Thu nhập khác	31	VII.6	740.599.735	3.179.416.285
13. Chi phí khác	32	VII.7	439.459.124	2.410.452.581
14. Lợi nhuận khác	40		301.140.611	768.963.704
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.119.204.015	26.704.459.032
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	10.098.483.019	8.852.467.095
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>25.020.720.996</u>	<u>17.851.991.937</u>
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		24.203.549.426	17.423.204.099
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		817.171.570	428.787.838
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		806,78	599,04
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Nguyễn Thị Châm

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.238.264.416.499	500.056.735.880
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.182.407.821.839)	(501.621.126.826)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.806.923.589)	(6.521.589.136)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(287.404.553)	(251.581.662)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.698.056.665)	(6.156.310.804)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.609.211.498	352.214.902.747
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.222.348.779)	(311.077.030.615)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.451.072.572	26.643.999.583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.280.572.727)	(3.854.781.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	600.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(147.060.000.000)	(265.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		191.178.004.000	210.221.996.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.665.141.678)	(282.187.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	31.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.907.612.870	10.115.367.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(920.097.535)	(299.905.018.241)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		300.000.000	270.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		61.655.296.440	117.692.281.650
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(73.660.741.240)	(98.543.670.016)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(17.122.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.705.444.800)	289.131.488.817
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.825.530.237	15.870.470.159
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.955.586.535	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		-	85.116.376
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	23.781.116.772	15.955.586.535

Người lập



Nguyễn Thị Châm

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016



Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng) với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 89, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai, q. Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	99%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	98%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Doài, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Pháp Việt	P.206 khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P.Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội	44,55%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn" và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh, cụ thể là Viện Quản lý và Phát triển Châu á, Công ty CP Pink House Việt Nam, Công ty CP Vật tư và Thiết bị Khoa học Kỹ thuật ACETECH, Công ty CP TM và Dịch vụ Đông Sơn, Công ty Cổ phần AMD Smart, Công ty Cổ phần Decohouse và Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh:**

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo kế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày

07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho là hàng hóa bất động sản được xác định theo phương pháp đích danh.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định;
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group coi là hoạt động cho thuê tài sản và khoản lợi nhuận cố định hàng năm được hạch toán vào doanh thu.

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng,

công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN			
Tiền mặt		3.113.676.591	4.971.240.313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		20.667.440.181	10.984.346.222
Cộng		23.781.116.772	15.955.586.535

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH		Cuối năm		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Chứng khoán kinh doanh					
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
b1) Ngắn hạn					
- Tiền gửi có kỳ hạn		1.948.515.663	1.948.515.663	288.515.663	288.515.663
- Tiền gửi có kỳ hạn		1.948.515.663	1.948.515.663	288.515.663	288.515.663
b2) Dài hạn					
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Đầu tư vào Công ty con					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
+ Công ty Cổ phần Decohouse			39.859.440.425		
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt					

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Viện Quản lý và Phát triển Châu Á - AMDI: là một tổ chức khoa học công nghệ thực hiện hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý và phát triển nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo ra những thay đổi tích cực, bền vững cho tổ chức. AMDI được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp Giấy phép đăng ký số A-573 năm 2006 và là một thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị khoa học ACETECH: số vốn góp là 9.500.000.000 đồng (tương đương 95% quyền biểu quyết), là đơn vị trực thuộc AMD GROUP, ACETECH lấy việc cung cấp thiết bị khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ làm nền tảng. Các hoạt động kinh doanh của công ty nằm trong lĩnh vực cung cấp thiết bị Khoa học Công nghệ, thiết bị Y tế, thiết bị Giáo dục, thiết bị Dạy nghề và dịch vụ kỹ thuật: thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ cao. ACETECH có ưu thế là tiếp cận nhanh với những công nghệ hiện đại, tiên tiến cũng như phương pháp quản lý khoa học. ACETECH đang từng bước khẳng định mình trong thị trường cũng như góp phần vào sự phát triển khoa học kỹ thuật của đất nước.

Công ty cổ phần Pink House Việt Nam: Số vốn góp là 14.250.000.000 đồng (tương đương 95% quyền biểu quyết). Công ty Pink House Việt Nam đang quản lý hệ thống trường mầm non mang thương hiệu Pink House Plus. Trường Pink House là hệ thống giáo dục mầm non được trang bị hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, quy trình đào tạo chuyên nghiệp. Hiện tại hệ thống trường Pink House có khả năng tiếp nhận và chăm sóc cho khoảng 500 cháu/năm và sẽ tiếp tục được mở rộng thêm các cơ sở trong thời gian sắp tới để có thể tiếp nhận hàng ngàn học sinh. Tuy nhiên, do vướng về các thủ tục pháp lý liên quan đến việc sở hữu nên trong năm 2015 chưa hợp nhất được doanh thu của trường Pink House vào Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn: Số vốn góp là 59.400.000.000 đồng (tương đương 99% quyền biểu quyết), được thành lập ngày 03/11/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, tăng vốn lên 60 tỷ đồng theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi ngày 12/06/2015, trong đó AMD GROUP sở hữu 99% vốn cổ phần. CTCP Dịch vụ và Thương mại Đông Sơn có ngành nghề chính là kinh doanh xăng dầu và vật liệu xây dựng. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng và trạm dừng đỗ xe tại Bắc Ninh. Dự án này được kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty Đông Sơn nói riêng và AMD GROUP nói chung đồng thời góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

Công ty Cổ phần DECOHOUSE: Số vốn góp là 40.000.000.000 đồng (tương đương 40% quyền biểu quyết), Công ty đặt trụ sở tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, công ty DECOHOUSE hiện đang đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ khuếch trương các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng.

Công ty Cổ phần AMDSMART: Số vốn góp là 9.800.000.000 đồng (tương đương 98% quyền biểu quyết) được thành lập ngày 09/06/2015 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng. Công ty CP AMDSMART có ngành nghề chính là thiết kế, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm. Hiện tại công ty đã triển khai thành công một số giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt cho lĩnh vực giáo dục, y tế, siêu thị, các cửa hàng thời trang...hay các giải pháp chăm sóc khách hàng qua thẻ UHF, giải pháp RFID...vì đối tác hiện tại như: Toyota, Mercedes, Madaz, Audi, Nissan...các ngân hàng BIDV, Teccombank, SHB...

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Pháp Việt: Số vốn góp là 44.550.000.000 đồng (tương đương 44,55% quyền biểu quyết), Công ty đặt trụ sở tại P.206 khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P.Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội. Công ty đang sở hữu dự án Trung tâm Thể thao Pháp Việt, diện tích 2,2 ha tại Xuân Phương, Vân Canh, Hà Nội. Dự án sẽ triển khai vào năm 2016.

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng			
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		64.780.312.102	92.932.724.754
- Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế			11.077.110.000
- Công ty TNHH MTV Cốp pha Thép Thái Hưng		5.752.147.880	-
- Công ty TNHH Thiên Thuần Trường		7.891.461.335	21.895.573.275
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng		2.689.480.863	48.827.550.731
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC			5.141.779.497
- Công ty TNHH ĐT và PT Địa ốc Hai		16.420.140.000	
- Công ty Cổ phần Thiết bị Năm Sao Việt		10.649.900.000	
- Các đối tượng khác		21.377.182.024	5.990.711.251
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)			
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			

Trả trước cho người bán		
- Trường mầm non Ngôi nhà Hồng (Hoàng Cầu) (*)	7.073.685.916	1.029.989.400
- Trường mầm non Ngôi nhà Hồng và phân hiệu 2 (Đặng Tiến Đồng) (**)	200.000.000	
- Các đối tượng khác	465.141.678	
	6.408.544.238	1.029.989.400

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/NNH-CN ngày 04/09/2015 giữa Công ty Cổ phần Pink House Việt Nam (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group) và Trường Mầm non tư thục Ngôi nhà Hồng với giá trị chuyển nhượng là 200.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Hai bên đã thực hiện mọi thủ tục để hoàn thiện việc chuyển quyền sở hữu. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có các quy định về việc thay đổi chủ sở hữu trên quyết định thành lập. Vì vậy, Công ty CP Pink House Việt Nam tạm thời treo khoản tiền chuyển nhượng này trên khoản trả trước cho người bán trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý.

(**) Theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/PKH-CN ngày 04/09/2015 giữa Công ty Cổ phần Pink House Việt Nam (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group) và Trường Mầm non Ngôi nhà Hồng và phân hiệu 2 với giá trị chuyển nhượng là 465.141.678 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Hai bên đã thực hiện mọi thủ tục để hoàn thiện việc chuyển quyền sở hữu. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có các quy định về việc thay đổi chủ sở hữu trên quyết định thành lập. Vì vậy, Công ty CP Pink House Việt Nam tạm thời treo khoản tiền chuyển nhượng này trên khoản trả trước cho người bán trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý.

4 . PHẢI THU KHÁC VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Các khoản phải thu khác	30.838.339.730		7.197.241.401	
- Phải thu khác	14.606.992.353		466.751.621	
+ Nguyễn Văn Tân	14.200.000.000			
+ Bùi Thị Tuyết	406.992.353		466.751.621	
- Tạm ứng	16.102.198.677		6.611.892.280	
+ Nguyễn Thị Hòa	4.500.000.000			
+ Nguyễn Duy Bình	4.800.000.000			
+ Nguyễn Hữu Hoàng	2.800.000.000		3.839.492.000	
+ Nguyễn Đăng Tâm	3.165.000.000			
+ Nguyễn Đăng Ngọc Toàn			700.000.000	
+ Các đối tượng khác	837.198.677		2.072.400.280	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	129.148.700		118.597.500	
Phải thu về cho vay	24.800.000.000		81.378.004.000	
+ Nguyễn Thị Quyên	7.300.000.000			
+ Bùi Thị Tuyết	12.500.000.000			
+ Nguyễn Minh Phương			3.500.000.000	
+ Nguyễn Duy Bình	5.000.000.000			
+ Nguyễn Hồng Minh			20.478.004.000	
+ Nguyễn Thị Thanh			8.500.000.000	
+ Nguyễn Đức Giang			26.600.000.000	
+ Nguyễn Thị Ngọc Diệp			12.500.000.000	
+ Nguyễn Thị Hòa			9.800.000.000	
b) Dài hạn	1.767.199.236		462.307.600	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.767.199.236		462.307.600	

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	101.315.437	706.701.694
Công cụ, dụng cụ		219.787.323
Chi phí SXKD dở dang	5.511.920.042	12.753.115.604
Hàng hóa	64.589.881.412	1.770.408.928
Cộng	70.203.116.891	15.450.013.549

6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	36.229.211.827	36.229.211.827	36.215.575.463	36.215.575.463
+ Dự án xây dựng Trung tâm đào tạo Xuân Phương	33.303.762.442	33.303.762.442	33.303.762.442	33.303.762.442
+ Dự án Đại học tổng hợp Bắc Ninh	2.911.813.021	2.911.813.021	2.911.813.021	2.911.813.021
+ Chi phí dự án của Công ty CP TM và DV Đông Sơn	13.636.364	13.636.364		

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			5.911.147.742	232.363.636	197.363.636	6.340.875.014
Tăng trong năm	-	-	848.709.091	553.345.455	-	1.402.054.546
- Mua trong năm			848.709.091	553.345.455		1.402.054.546
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	6.759.856.833	785.709.091	197.363.636	7.742.929.560
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			1.792.754.973	102.974.988	67.608.800	1.963.338.761
Tăng trong năm	-	-	760.737.191	193.634.145	55.393.944	1.009.765.280
- Số khấu hao trong năm			760.737.191	193.634.145	55.393.944	1.009.765.280
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	2.553.492.164	296.609.133	123.002.744	2.973.104.041
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	4.118.392.769	129.388.648	129.754.836	4.377.536.253
2. Tại ngày cuối năm	-	-	4.206.364.669	489.099.958	74.360.892	4.769.825.519

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	145.931.528	80.074.483
- Chi phí mua bảo hiểm		19.060.184
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	145.931.528	61.014.299
b) Dài hạn	20.712.754.969	18.696.787.876
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		567.642.476
- Phí lắp đặt và đặt biển quảng cáo tại sân golf Sầm Sơn 4 năm từ 2016 và 2019	4.545.454.545	
- Chi phí đầu tư cải tạo công trình EBEST(*)	15.333.333.337	18.000.000.002
- Chi phí trả trước dài hạn khác	833.967.087	129.145.398
Cộng	20.858.686.497	18.776.862.359

(*) Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbestMall theo hợp đồng số 0805/2014/HTKD-AMD ngày 01/04/2014. Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT). Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế. Tổng chi phí đầu tư là 20 tỷ đồng, AMD phân bổ đều trong thời gian đầu tư (7 năm 6 tháng kể từ ngày 01/04/2014). Tổng chi phí đã phân bổ trong năm: 4.666.666.663 đồng.

9 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế thương mại tăng trong năm	146.541.879.000	187.593.840.000
Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp		27.000.000.000
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	16.059.384.000	14.051.961.000
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ kế toán	130.482.495.000	146.541.879.000

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	6.735.400.000	6.735.400.000	1.973.596.440	1.973.596.440	18.634.044.800	18.634.044.800
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Decohouse (*)	5.000.000.000	5.000.000.000			17.500.000.000	17.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.195.400.000	1.195.400.000	1.973.596.440	1.973.596.440	594.044.800	594.044.800
Nợ dài hạn đến hạn trả	540.000.000	540.000.000			540.000.000	540.000.000
b) Vay dài hạn	7.188.200.000	7.188.200.000	500.000.000	500.000.000	7.295.000.000	7.295.000.000
Vay Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội(**)	755.000.000	755.000.000			1.295.000.000	1.295.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hải Sở (***)	433.200.000	433.200.000	500.000.000	500.000.000		
Vay các đối tượng khác (****)	6.000.000.000	6.000.000.000			6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	13.923.600.000	13.923.600.000	2.473.596.440	2.473.596.440	25.929.044.800	25.929.044.800

(*) Là khoản vay của Công ty CP Decohouse, theo hợp đồng số 01/2015/HĐVM - DECOHOUSE, ngày 01 tháng 10 năm 2015

Mục đích: Vay vốn kinh doanh. Lãi suất 0%. Thời hạn vay 04 tháng.

(**) Là khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội để đầu tư 01 xe Mercedes Benz S400L, 05 chỗ, mới 100% đời 2014, sản xuất tại Việt Nam. Thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất: 10,5%/năm (được áp dụng tới ngày 03/07/2014) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay. Kế hoạch trả nợ gốc: 1 tháng/lần, mỗi kỳ: 45.000.000 đồng.

(***) Là khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hội Sở để đầu tư 01 xe Chevrolet Cruze LTZ, mới 100%. Thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất 6%/năm (cố định trong 6 tháng đầu tiên) và sau đó điều chỉnh kỳ đầu tiên vào ngày 07/10/2015, Điều chỉnh kỳ tiếp theo vào ngày 01/1/2016, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh+ biên độ 5,0 %/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay. Kế hoạch trả nợ gốc: 1 tháng/1 lần, mỗi kỳ: 8.350.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 7.350.000 đồng.

(****) Đây là khoản vay cá nhân của các thành viên góp vốn vào Viện Quản lý và Phát triển Châu Á để đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo Nguồn nhân lực quản lý tại xã Xuân Phương - huyện Từ Liêm - Hà Nội. Lãi suất: 0%, thời hạn: 5 năm.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	39.008.454.155	39.008.454.155	78.115.297.880	78.115.297.880
- Công ty CP tập đoàn FLC	8.623.109.173	8.623.109.173	-	-
- Công ty TNHH Thiên Thuận Tường			17.600.600.000	17.600.600.000
- Công ty Cổ phần B.C.H	25.123.976.900	25.123.976.900	24.868.953.302	24.868.953.302
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam			23.902.113.606	23.902.113.606
- Các đối tượng khác	5.261.368.082	5.261.368.082	11.743.630.972	11.743.630.972
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
e) Người mua trả tiền trước	77.046.665.981	77.046.665.981	16.258.149.737	16.258.149.737
- Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	42.535.530.000	42.535.530.000		
- Các đối tượng khác	34.511.135.981	34.511.135.981	16.258.149.737	16.258.149.737

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	243.742.476	94.685.461.946	92.910.446.400	2.018.758.022
- Thuế TNDN	3.707.520.363	10.221.364.601	4.802.624.609	9.126.260.355
- Thuế TNCN	734.570.946	1.132.946.207	1.203.940.659	663.576.494
Cộng	4.685.833.785	106.039.772.754	98.917.011.668	11.808.594.871

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Các khoản trích trước khác	5.200.000	
b) Dài hạn		
Cộng	5.200.000	

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	126.681.750	
- Phải trả, phải nộp khác	89.000.000	232.226.667
Cộng	215.681.750	232.226.667

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000				3.245.061.039	33.245.061.039
Tăng vốn trong năm	270.000.000.000					270.000.000.000
Lãi trong năm trước					17.423.204.099	17.423.204.099
Tăng khác		262.959.345			173.272.307	436.231.652
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác					140.559.575	140.559.575
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	262.959.345	-		20.700.977.870	320.963.937.215
Tăng vốn trong năm						-
Lãi trong năm					24.203.549.426	24.203.549.426
Tăng khác			1.785.199.194	892.599.597		2.677.798.791
Giảm vốn trong năm						-
Lỗ trong năm						-
Giảm khác					4.462.997.985	4.462.997.985
Số dư cuối năm	300.000.000.000	262.959.345	1.785.199.194	892.599.597	40.441.529.311	343.382.287.447

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của các đối tượng khác	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		270.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Cổ tức

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
- Quỹ đầu tư phát triển

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.785.199.194	-
	892.599.597	-
	1.785.199.194	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	611.979.942.851	450.548.127.785
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.901.418.849	28.512.307.479
- Doanh thu hàng hóa bất động sản	372.841.608.982	
Cộng	1.030.722.970.682	479.060.435.264
2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
Hàng bán bị trả lại		
Cộng	571.735.091	441.983.564
3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của bán hàng	478.247.244.026	431.725.410.479
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.486.962.853	19.725.944.223
Giá vốn hàng hóa bất động sản	461.999.262.618	
Cộng	970.733.469.497	451.451.354.702
4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	2.136.359.182	10.335.492.489
Lãi đầu tư cổ phiếu trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		10.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	144.731.615	3.144.715
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.966.203	35.056.611
Cộng	2.294.057.000	20.973.693.815
5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lỗ tiền vay	298.184.382	213.862.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	138.358.010	327.627.239
Cộng	436.542.392	541.490.219
6 . THU NHẬP KHÁC		
- Các khoản khác	740.599.735	3.179.416.285
Cộng	740.599.735	3.179.416.285
7 . CHI PHÍ KHÁC		
- Các khoản bị phạt	63.146.056	
- Các khoản khác	376.313.068	2.410.452.581
Cộng	439.459.124	2.410.452.581
8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên	4.493.900.037	3.485.381.658
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	1.050.645.799	1.486.765.319
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	112.704.126	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.551.376.748	658.554.483
Thuế, phí, lệ phí	294.993.805	
Lợi thế thương mại phân bổ	16.059.384.000	14.051.961.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.034.442.307	757.392.270
Chi phí bằng tiền khác	838.778.148	1.223.750.536
Cộng	26.436.224.970	21.663.805.266
9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.103.827.319	1.486.765.319
Chi phí nhân công	16.210.711.645	3.485.381.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.947.641.159	658.554.483
Phân bổ lợi thế thương mại	16.059.384.000	14.051.961.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.639.578.447	757.392.270
Chi phí bằng tiền khác	1.622.161.572	1.223.750.536
Cộng	40.583.304.142	21.663.805.266
10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.119.204.015	26.704.459.032
Thuế TNDN hiện hành	10.098.483.019	8.852.467.095
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.020.720.996	17.851.991.937

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:
Năm nay

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	BẤT ĐỘNG SẢN	THÉP	KỸ THUẬT	HÀNG DÙNG SIÊU THỊ	DỊCH VỤ	CHO THUẾ TÀI SẢN	ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	439.042.739.492	415.729.676.110	47.444.208.249	71.686.358.848	54.269.987.983	2.550.000.000		1.030.722.970.682
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận								
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	439.042.739.492							
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.234.952.136	415.729.676.110	47.444.208.249	71.686.358.848	54.269.987.983	2.550.000.000		1.030.722.970.682
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		207.864.838	5.426.998.798	3.008.958.734	37.988.991.588			59.417.766.094
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								26.436.224.970
Doanh thu hoạt động tài chính								32.981.541.124
Chi phí tài chính								2.294.057.000
Thu nhập khác								436.542.392
Chi phí khác								740.599.735
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								439.459.124
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								10.098.483.019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác								25.020.720.996
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài								1.280.572.727
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)								5.166.148.695

Năm trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	BẤT ĐỘNG SẢN	THÉP	KỸ THUẬT	HÀNG DÙNG SIÊU THỊ	DỊCH VỤ	CHO THUẾ TÀI SẢN	ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV ra bên ngoài	195.667.900.443	195.667.900.443	13.555.055.442	111.888.030.231	27.262.307.479		128.995.158.105	477.368.451.700
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV giữa các bộ phận	-	-	-					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.667.900.443	195.667.900.443	13.555.055.442	111.888.030.231	27.262.307.479	-	128.995.158.105	477.368.451.700
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	213.409.184	213.409.184	2.677.753.832	3.367.555.991	8.208.332.596		12.116.712.061	26.583.763.664
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								21.663.805.266
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								4.919.958.398
Doanh thu hoạt động tài chính								20.973.693.815
Chi phí tài chính								541.490.219
Thu nhập khác								3.179.416.285
Chi phí khác								2.410.452.581
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								8.852.467.095
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								17.268.658.603
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác								4.031.145.454
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn								699.480.154
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)								

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, tòa nhà Việt Úc VAS, KĐT Mỹ Đình 1, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	BẤT ĐỘNG SẢN	THÉP	KỸ THUẬT	HÀNG DÙNG SIÊU THỊ	DỊCH VỤ	CHO THUẾ TÀI SẢN	ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	64.589.881.412	35.689.231.000	5.511.920.042	25.351.292.893	5.689.789.562	5.225.000.000		142.057.114.909
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								363.367.126.329
Tổng tài sản								505.424.241.238
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.368.216.752	25.326.958.632	3.568.000.000	25.196.944.752	1.550.000.000	45.000.000		116.055.120.136
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								30.330.548.544
Tổng nợ phải trả								146.385.668.680
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận			8.069.475.558	24.626.718.213	10.948.386.120		16.677.865.940	60.322.445.831
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								400.546.577.001
Tổng tài sản								460.869.022.832
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		48.788.731.008	3.312.114.560	7.128.723.002	17.528.535.047		17.600.600.000	94.358.703.617
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								31.007.268.459
Tổng nợ phải trả								125.365.972.076

3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	20.667.440.181	10.984.346.222
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	86.786.963.760	76.075.015.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.618.651.832	100.129.966.155

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	13.923.600.000	-		13.923.600.000
Phải trả người bán	39.008.454.155			39.008.454.155
Chi phí phải trả	-			-
Phải trả khác	215.681.750			215.681.750
Số đầu năm				
Các khoản vay	25.929.044.800			25.929.044.800
Phải trả người bán	78.115.297.880			78.115.297.880
Chi phí phải trả	-			-
Phải trả khác	232.226.667			232.226.667

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, tòa nhà Việt Úc VAS, KĐT Mỹ Đình I, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**4.5 Giá trị hợp lý****- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu: - Tiền và các khoản tương đương tiền - Phải thu khách hàng và phải thu khác - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán: - Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	23.781.116.772	23.781.116.772	15.955.586.535	15.955.586.535	
	95.618.651.832	(*)	100.129.966.155	(*)	
	86.786.963.760	(*)	40.147.956.088	(*)	
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: - Vay ngắn hạn - Phải trả người bán và phải trả khác - Vay dài hạn	84.838.448.097	(*)	39.859.440.425	(*)	
	(6.735.400.000)	(6.735.400.000)	(18.634.044.800)	(18.634.044.800)	
	(39.008.454.155)	(39.008.454.155)	(78.115.297.880)	(78.115.297.880)	
	238.093.126.306	(*)	92.048.606.523	(*)	

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Số dư về các khoản vay và nợ thuế tài chính và phải trả người bán với các bên liên quan tại 31/12/2015:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư tại 31/12/2015
- Công ty Cổ phần Decohouse	Công ty liên kết	Vay để hoạt động kinh doanh	5.000.000.000
- Viện quản lý và phát triển châu Á	Công ty con	Thuê văn phòng của Viện	45.000.000
- Nguyễn Thị Mai	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Ứng trước tiền mua hai Trồng mầm non Ngôi nhà Hồng (Hoàng Cầu) và Trồng mầm non Ngôi nhà Hồng và phân hiệu 2 (Đặng Tiến Đông)	535.141.678

b) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc:

Họ Tên	Chức vụ	Năm nay VND
Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	197.689.800
Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	15.000.000
Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT	15.000.000
Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT	15.000.000
Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT	43.431.790
Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	17.000.000
Nguyễn Thị Minh Huyền	TV Ban kiểm soát	1.000.000
Lê Thị Hoàng Anh	TV Ban kiểm soát	10.000.000
Hồ Sĩ Bắc	TV Ban kiểm soát	12.000.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT kiểm toán và phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính như sau:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số theo thông tư 200/2014/TT-BTC	Số đầu năm trên báo cáo tài chính cho năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
A. Tài sản ngắn hạn			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	288.515.663	55.866.519.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	182.537.959.555	120.229.465.775
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	483.420.913	7.213.910.693
B. Tài sản dài hạn			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	462.307.600	-
II. Tài sản cố định	220	4.377.536.253	40.593.111.716
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	36.215.575.463	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	165.238.666.876	165.700.974.476

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

		Số năm trước trên báo cáo tài chính cho năm 2015	Số năm nay trên báo cáo tài chính cho năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	479.060.435.264	477.810.435.264
2. Giá vốn hàng bán	11	451.451.354.702	450.784.688.036
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	25.935.495.328	25.352.161.994
4. Thu nhập khác	31	3.179.416.285	4.429.416.285
5. Chi phí khác	32	2.410.452.581	3.077.119.247
6. Lợi nhuận khác	40	768.963.704	1.352.297.038

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Châm

Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức